TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 13-5-2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thậm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Hân và bà Nguyễn Thị Thuỳ Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Ngô Bé K, sinh năm 1991 (có mặt).*

Địa chỉ: Số 37A đường N, khu phố 6, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn: Anh Lê Xuân S, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).*

Địa chỉ: Số 37A đường N, khu phố 6, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – chị Ngô Bé K trình bày:** Chị K và anh Lê Xuân S tự nguyện tiến tới hôn nhân từ năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2020. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 04/2020 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn gay gắt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, hai bên có hàn gắn nhưng không thành và cũng đã ly thân từ tháng 02/2024. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị K yêu cầu ly hôn.

Lý do xin ly hôn: Chị Ngô Bé K cho rằng quá trình chung sống tính tình hai bên không hòa hợp, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm và lối sống, tình cảm vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

Về con chung: Chị Ngô Bé K xác nhận có 02 con chung tên Lê Gia K, sinh ngày 22/11/2019 và Lê Gia V, sinh ngày 10/4/2022. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Bé K xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai đề ngày 15/4/2024, bị đơn – anh Lê Xuân S trình bày:** Anh S xác nhận việc vợ chồng chung sống là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Xuân S xác nhận có 02 con chung tên Lê Gia K, sinh ngày 22/11/2019 và Lê Gia V, sinh ngày 10/4/2022. Anh Lê Xuân S đồng ý giao 02 con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Xuân S xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa**:

- Nguyên đơn – chị Ngô Bé K xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Xuân S. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng và xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn – anh Lê Xuân S có đơn xin vắng mặt.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – anh Lê Xuân S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 15/4/2024. Tại phiên toà nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Bé K và anh Lê Xuân S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn và được UBND phường A, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2020 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Ngô Bé K khởi kiện cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng do tính tình không hợp, không cùng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cũng đã ly thân. Đồng thời, anh Lê Xuân S cũng thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngô Bé K và anh Lê Xuân S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Bé K.

[3] Về con chung: Chị Ngô Bé K và anh Lê Xuân S thống nhất xác nhận có 02 con chung tên Lê Gia K, sinh ngày 22/11/2019 và Lê Gia V, sinh ngày 10/4/2022. Hai bên thống nhất sau khi ly hôn chị Ngô Bé K sẽ trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị K tự nguyện không yêu cầu anh Lê Xuân S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, chị K là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung ổn định từ khi ly thân đến nay. Đồng thời, anh Lê Xuân S cũng có ý kiến đồng ý giao hai con chung cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần và bảo vệ quyền lợi cho trẻ em, nên căn cứ vào quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Ngô Bé K.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Bé K và anh Lê Xuân S đều thống nhất xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 2 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Bé K được ly hôn với anh Lê Xuân S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Gia K, sinh ngày 22/11/2019 và Lê Gia V, sinh ngày 10/4/2022 cho chị Ngô Bé K trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ngô Bé K về việc không yêu cầu anh Lê Xuân S cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Xuân S có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Bé K và anh Lê Xuân S thống nhất xác nhận không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Bé K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004855 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, chị Ngô Bé K đã nộp đủ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/5/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Thậm